

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 01/CV-NQ ngày 17/10/2025 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nhật Quang về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khai thác và chế biến đá xây dựng” tại mỏ đá thôn 4; Văn bản số 02/CV-NQ ngày 05/01/2026 và Văn bản số 06/CV-NQ ngày 13/01/2026 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nhật Quang bổ sung thông tin về số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đến hết năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 52/TTr-SNNMT ngày 22/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nhật Quang, địa chỉ tại thôn 4, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác và chế biến đá xây dựng” tại mỏ đá thôn 4, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá thôn 4, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 4, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 6000702874 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2022.

1.4. Mã số thuế: 6000702874

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 53.929 m²

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Công suất: 30.000 m³ đá nguyên khai/năm (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 10/GP-UBND ngày 05/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Quy trình khai thác, chế biến:

Quy trình khai thác: Bóc tầng phủ → Khoan, nổ mìn → Xúc bóc → Vận chuyển đá về khu vực chế biến.

Quy trình chế biến: Đá nguyên khai → Nghiền, đập → Sàng rung 1 → Nghiền col → Sàng rung 2 → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nhật Quang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nhật Quang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - UBND phường Buôn Ma Thuột;
 - Công ty CP đầu tư phát triển Nhật Quang;
- (Đ/c: thôn 4, phường Buôn Ma Thuột)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước tháo khô mỏ khai thác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận.

- 01 dòng nước tháo khô mỏ khai thác.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối cạn nằm phía Tây của cơ sở tại thôn 4, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Thôn 4, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3^0): X= 445844; Y = 1407088.
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (khi có mưa): $626 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Xả cưỡng bức, dùng bơm

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9		

2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	90	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
3	COD	mg/l	135		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	45		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, Chủ cơ sở có trách nhiệm áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng và nhà vệ sinh tại khu nhà nghỉ công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn, nước ngầm được thu gom về hố lắng 1 và hố lắng 2 tại đáy móng khai thác sau đó được bơm định kỳ ra suối cận nằm phía Tây của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Quy trình xử lý nước tháo khô mỏ: Nước tháo khô mỏ (nguồn số 02) → Hố lắng 1 → Hố lắng 2 (đáy móng) → Bơm ra nguồn tiếp nhận.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải và thoát nước.

- Thường xuyên giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố nhằm hạn chế tới mức tối đa nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, bảo đảm hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động tốt.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra, phòng ngừa vấn đề sụt lún, xói lở trên khu vực khai trường, bãi thải, hố lắng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, phương tiện để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ khu vực khai trường;
- Nguồn số 2: Từ khu vực nghiền sàng chế biến đá;

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, Chủ cơ sở có trách nhiệm áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, Chủ cơ sở có trách nhiệm áp dụng QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các loại máy khoan có màng cách âm, đối với các búa chèn sử dụng màng rắn bằng cao su.
- Căn chỉnh dây chuyền nghiền sàng đá theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay thế chi tiết hư hỏng kịp thời.
- Tuân thủ và áp dụng phương pháp nổ mìn đúng quy định để giảm thiểu tiếng ồn phát ra khi nổ mìn phá đá; tuân thủ theo quy phạm an toàn trong nổ mìn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	1
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
3	Pin, ắc quy thải	19 06 01	5
Tổng cộng:			36

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Các phụ tùng bằng nhựa thải	50
2	Sắt phế liệu	450
Tổng số lượng:		500

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát:

STT	Danh mục chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 02 01	10
2	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	10

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 960 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại được xây dựng kết cấu nhà cấp 4 có tường bao bằng gạch, mái tôn, nền xi măng chống thấm.

- Diện tích kho: 10 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 kho tại khu vực kho vật tư, kết cấu nền lót bằng đá dăm, mái lợp tôn.

- Diện tích kho: 10 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 15 lít, 120 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Khai thác và chế biến đá xây dựng” tại mỏ đá thôn 4, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột và Giấy phép khai thác khoáng sản số 10/GP-UBND ngày 05/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, diện tích và thời gian khai thác của cơ sở có điều chỉnh thay đổi so với diện tích được phê duyệt theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đây. Vì vậy, các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường sẽ điều chỉnh, thay đổi đồng bộ với tổng diện tích sử dụng đất được điều chỉnh. Cụ thể như sau:

1. Cải tạo, phục hồi môi trường**1.1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Khu vực moong khai thác: Củng cố bờ moong khai thác, trồng cây xung quanh moong khai thác; lập hàng rào và biển báo nguy hiểm ghi rõ độ sâu của moong; cải tạo hệ thống thoát nước.

- Khu vực sân công nghiệp và bãi chứa: Tháo dỡ các công trình không còn nhu cầu sử dụng, vận chuyển thiết bị và vật liệu tháo dỡ ra khỏi mỏ; san gạt tạo mặt bằng và trồng cây trên diện tích đã san gạt.

- Khu vực văn phòng: Tháo dỡ các công trình không còn nhu cầu sử dụng, vận chuyển thiết bị và vật liệu tháo dỡ ra khỏi mỏ; trám lấp giếng khoan, trồng cây xanh.

1.2. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
I	Giai đoạn I (vào cuối năm thứ 10 kể từ thời điểm khai thác)		
1	Tạo góc nghiêng trong tầng đất phủ đạt 45 ⁰	m ³	130,5
2	Đắp đê xung quanh moong khai thác	m ³	1.116
3	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác	cây	558
4	Lắp đặt hàng rào, biển báo		

-	Lắp đặt cột bê tông	cột	124
-	Lắp đặt dây kẽm gai	m	372
-	Lắp đặt biển báo nguy hiểm	cái	7
5	Xây dựng hệ thống thoát nước hồ mỏ		
-	Lắp đặt ống bê tông ly tâm	m	15
-	Đào đất ống bê tông	m ³	11,77
-	Đắp đất ống bê tông	m ³	88,23
II	Giai đoạn II (<i>được thực hiện trong suốt quá trình khai thác</i>)		
1	Tạo góc nghiêng trong tầng đất phủ đạt 45 ⁰	m ³	150
2	Đắp đê xung quanh moong khai thác	m ³	1.272
3	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác	cây	636
4	Lắp đặt hàng rào, biển báo		
-	Lắp đặt cột bê tông	cột	141
-	Lắp đặt dây kẽm gai	m	427
-	Lắp đặt biển báo nguy hiểm	cái	8
III	Giai đoạn cuối (<i>được thực hiện sau khi kết thúc khai thác</i>)		
1	Tháo dỡ các công trình công nghiệp và dân dụng		
-	Tháo dỡ trạm nghiền sàng	tấn	30
-	Phá bỏ, san gạt cầu cạn lên khu cấp liệu	m ³	1.200
-	Phá dỡ kè bảo vệ mặt bằng cấp liệu	m ³	30
-	Phá bỏ các công trình khác (nhà làm việc, nhà bảo vệ,...):		
+	Cửa	m ²	40

+	Mái tôn	m ²	250
+	Tường gạch	m ²	150
+	Nền	m ²	230
+	Thiết bị vệ sinh	cái	4
2	San gạt mặt bằng khu chế biến		
-	Diện tích	m ²	5.392,9
-	Khối lượng đất san gạt	m ³	2.696
3	Trồng cây xanh trên khu vực chế biến		
-	Diện tích	m ²	5.392,9
-	Số lượng cây (keo lá tràm)	cây	895
4	Duy tu 500m đường giao thông từ mỏ ra đường liên xã	m ²	2.500

2. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau điều chỉnh là: 990.285.867 đồng (chín trăm chín mươi triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng), tổng số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Tổng số tiền Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tính đến thời điểm cấp Giấy phép môi trường là 911.948.310 đồng (chín trăm mười một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm mười đồng).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá tính từ thời điểm được cấp Giấy phép môi trường là: 78.337.557 đồng (bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng).

+ Số lần ký quỹ còn lại: 20 lần.

+ Số tiền ký quỹ hàng năm chưa bao gồm yếu tố trượt giá: 3.916.878 đồng (ba triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm bảy mươi tám đồng).

- Thời điểm ký quỹ: Phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 37 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025) của Chính phủ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường Đắk Lắk.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN

Thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức khai thác theo đúng quy mô, phạm vi, tọa độ, trữ lượng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Thường xuyên tưới ẩm dọc các tuyến đường vận chuyển, khai trường khai thác; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường vận tải; các xe chở đúng tải trọng; sử dụng bạt che thùng phương tiện vận chuyển; duy trì hoạt động của hệ thống phun sương dập bụi dọc khu vực phát sinh bụi.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Nước thải phải được quản lý, tái sử dụng để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.